

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “*Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Thẩm Đức T**; sinh năm 1986

Địa chỉ: Phố G, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng

- Bị đơn: **Phan Thị T**, Sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm G, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, hai bên đương sự nguyên đơn anh Thẩm Đức T và bị đơn chị Phan Thị T cùng thoả thuận thống nhất với nhau. Chị T vẫn phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 500.000đ/tháng theo quyết định số 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An.

Tuy nhiên anh T và chị T đều thoả thuận thống nhất với nhau về chi phí tiền

học thêm phát sinh theo thực tế hàng tháng của con chung mỗi bên sẽ chịu một nửa. Tiền chi phí học thêm phát sinh của con chung như thế nào nguyên đơn anh Thẩm Đức T sẽ có trách nhiệm thông báo, trao đổi lại với bị đơn chị Phan Thị T để hai bên tự thống nhất với nhau.

Về án phí: Hai bên đương sự được miễn án phí căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An;
- CC THADS huyện Hòa An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bế Lan Phương